

THÔNG TƯ

Quy định đăng ký, quản lý, sử dụng tàu thuyền quân sự

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 26 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định đăng ký, quản lý, sử dụng tàu thuyền quân sự.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc đăng ký, quản lý, sử dụng tàu thuyền; phạm vi hoạt động; chế độ đăng ký, thống kê, báo cáo; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc đăng ký, quản lý, sử dụng tàu thuyền trong Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt là tàu thuyền quân sự).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Tàu thuyền quân sự bao gồm tàu, thuyền và phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước có động cơ hoặc không có động cơ được biên chế tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng theo quyết định của Tổng Tham mưu trưởng.

2. Số đăng ký là ký hiệu riêng của từng tàu thuyền quân sự, thể hiện đơn vị sử dụng, chủng loại và thứ tự tàu thuyền đó.

3. Giấy đăng ký là chứng nhận pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp cho từng tàu thuyền quân sự, xác định trách nhiệm quản lý của đơn vị được trang bị tàu thuyền quân sự.

4. Giấy phép lưu hành là chứng nhận pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp cho từng tàu thuyền quân sự, có giá trị sử dụng trong thời gian quy định, khi hết hạn đơn vị sử dụng phải làm thủ tục xin gia hạn.

5. Đăng ký chính thức là đăng ký khi có quyết định đưa vào trang bị quân sự của Tổng Tham mưu trưởng.

6. Đăng ký tạm thời là đăng ký khi chưa có quyết định đưa vào trang bị quân sự của Tổng Tham mưu trưởng và có thời hạn nhất định.

7. Đăng ký lại là đăng ký khi có sự thay đổi về chủ sở hữu, tên tàu, kết cấu hoặc thông số kỹ thuật, công dụng của tàu thuyền quân sự.

8. Tàu thuyền cải hoán là quá trình kết hợp giữa sửa chữa, thay đổi kết cấu, trang thiết bị nhằm mục đích chuyển đổi cấu hình, tính năng kỹ thuật, chiến thuật của tàu thuyền quân sự.

9. Cơ quan đăng ký tàu thuyền quân sự là cơ quan được Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Bộ tư lệnh Cảnh sát biển và Cục trưởng Cục Vận tải/Tổng cục Hậu cần giao nhiệm vụ cấp giấy đăng ký, giấy phép lưu hành tàu thuyền quân sự.

Điều 4. Nguyên tắc đăng ký, quản lý, sử dụng

1. Nguyên tắc đăng ký

a) Tàu thuyền quân sự được trang bị từ bất cứ nguồn nào cho các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng vào mục đích quốc phòng thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, tuần tiễu, kiểm tra, kiểm soát, vận tải, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, làm kinh tế và các nhiệm vụ khác trước khi đưa vào sử dụng phải được Tổng Tham mưu trưởng quyết định đưa vào trang bị quân sự và đăng ký;

b) Phải có xuất xứ, nguồn gốc rõ ràng, đầy đủ giấy tờ có liên quan theo quy định của pháp luật;

c) Việc đăng ký được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc quản lý

a) Quản lý đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và sự đồng bộ;

b) Thực hiện đầy đủ, chặt chẽ, thống nhất theo hệ thống từ cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng đến cơ quan trực tiếp quản lý tàu thuyền.

3. Nguyên tắc sử dụng

a) Đúng mục đích, nhiệm vụ, tính năng kỹ thuật, chiến thuật và quy định của Bộ Quốc phòng;

b) Bảo đảm an toàn và hiệu quả.

Điều 5. Những hành vi nghiêm cấm

1. Giả mạo hồ sơ, sửa chữa, tẩy xóa, thay đổi các thông tin ghi trên giấy đăng ký, giấy phép lưu hành và các giấy tờ khác có liên quan khi sử dụng tàu thuyền quân sự.

2. Cho thuê, cho mượn, cầm cố thế chấp giấy đăng ký, giấy phép lưu hành.

3. Cấp các loại giấy tờ, trang thiết bị của tàu thuyền quân sự cho người không có trách nhiệm sử dụng.

4. Điều động, sử dụng tàu thuyền quân sự trái với quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

Chương II

ĐĂNG KÝ TÀU THUYỀN QUÂN SỰ

Điều 6. Thẩm quyền cấp số đăng ký

1. Tổng Tham mưu trưởng quyết định cấp số đăng ký cho tàu thuyền quân sự.

2. Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển và Cục trưởng Cục Vận tải/Tổng cục Hậu cần giúp Tổng Tham mưu trưởng cấp số đăng ký bảo đảm tính thống nhất với kết cấu, kích thước, màu sắc, vị trí kẻ hoặc lắp đặt số đăng ký theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp cần thiết Tổng Tham mưu trưởng giao cho chỉ huy cấp trực thuộc Bộ Quốc phòng quy định cụ thể.

Điều 7. Giấy đăng ký, giấy phép lưu hành

1. Tư lệnh Quân chủng Hải quân, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển và Cục trưởng Cục Vận tải/Tổng cục Hậu cần cấp giấy đăng ký, giấy phép lưu hành cho tàu thuyền quân sự thuộc phạm vi quản lý.

2. Nội dung thể hiện trên giấy đăng ký và giấy phép lưu hành

a) Giấy đăng ký, kích thước: 125 x 115(mm); mặt trước màu xanh nhạt, có hình ngôi sao ở giữa, nội dung gồm: Số thứ tự đăng ký, tên tàu thuyền quân

sự, số đăng ký, đơn vị sử dụng; mặt sau màu trắng, nội dung gồm: Đặc điểm kỹ thuật, công dụng của tàu thuyền quân sự được đăng ký. Mẫu số 01, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy đăng ký tạm thời, kích thước: 125 x 115(mm); mặt trước màu vàng nhạt, nội dung gồm: Số thứ tự đăng ký, tên tàu thuyền quân sự, số đăng ký, đơn vị sử dụng và đặc điểm kỹ thuật, công dụng của tàu thuyền quân sự; mặt sau màu vàng nhạt, nội dung gồm: Có hình tàu, thuyền, quy định quản lý giấy đăng ký tạm thời. Mẫu số 02, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Giấy phép lưu hành, kích thước: 175 x 125(mm); mặt trước màu xanh nhạt, có hình ngôi sao ở giữa, nội dung gồm: Số thứ tự đăng ký, tên tàu thuyền quân sự, số đăng ký, đơn vị sử dụng và đặc điểm kỹ thuật, công dụng của tàu thuyền, thời hạn sử dụng; mặt sau màu trắng có hình tàu, thuyền, quy định quản lý giấy phép lưu hành. Mẫu số 03, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Giấy phép lưu hành tạm thời, kích thước: 175 x 125(mm); mặt trước màu vàng, có hình ngôi sao ở giữa, nội dung gồm: Số thứ tự đăng ký, tên tàu thuyền quân sự, số đăng ký, đơn vị sử dụng và đặc điểm kỹ thuật, công dụng của tàu thuyền, thời hạn sử dụng; mặt sau màu trắng có hình tàu, thuyền, quy định quản lý giấy phép lưu hành. Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan cấp giấy đăng ký, giấy phép lưu hành: Là cơ quan giúp người chỉ huy quy định tại Khoản 1 Điều này tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định trình hồ sơ cấp giấy đăng ký, giấy phép lưu hành.

Điều 8. Hình thức đăng ký

1. Đăng ký chính chức: Được thực hiện khi có quyết định đưa vào trang bị quân sự của Tổng Tham mưu trưởng; có đầy đủ giấy tờ, hồ sơ theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Đăng ký tạm thời: Được thực hiện khi chưa có quyết định đưa vào trang bị quân sự của Tổng Tham mưu trưởng nhưng có đầy đủ giấy tờ, hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này. Đăng ký tạm thời áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Tàu thuyền đóng mới, mua sắm chưa có quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự;

b) Tàu thuyền được tặng, viện trợ của các quốc gia, tổ chức, cá nhân, địa phương đưa vào các đơn vị quân đội để làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, vận tải hàng hóa, phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn chưa có quyết định của Tổng Tham mưu trưởng đưa vào trang bị quân sự.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký chính thức

1. Tàu thuyền quân sự do Bộ Quốc phòng trang bị

- a) Văn bản đề nghị cấp giấy đăng ký, giấy phép lưu hành của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng. Mẫu số 05, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Bản sao quyết định đưa vào trang bị quân sự của Tổng Tham mưu trưởng;
- c) Bản sao biên bản xuất xưởng đối với tàu đóng mới;
- d) Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu thuyền quân sự còn hiệu lực;
- đ) Bản sao biên bản giao, nhận tàu thuyền quân sự;
- e) Bản sao bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền trưởng, máy trưởng và người lái phương tiện (nếu có).

2. Tàu thuyền quân sự do đơn vị tự mua: Ngoài các giấy tờ quy định tại Điểm a, b, c, d, e Khoản 1 Điều này, bổ sung bản sao quyết định của Tổng Tham mưu trưởng cho mua và hợp đồng mua tàu thuyền.

3. Tàu thuyền quân sự điều động giữa các cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng: Ngoài các quy định tại Điểm a, d, đ Khoản 1 Điều này, bổ sung các giấy tờ sau:

- a) Bản sao quyết định của Tổng Tham mưu trưởng về việc điều động trang bị quân sự;
- b) Bản sao hồ sơ gốc của tàu (hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hồ sơ hoàn công, hồ sơ kỹ thuật, các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật);
- c) Giấy đăng ký, giấy phép lưu hành theo tàu.

4. Tàu thuyền quân sự điều động nội bộ: Ngoài các quy định tại Điểm a, d, đ Khoản 1 Điều này, bổ sung các giấy tờ sau:

- a) Bản sao quyết định điều động trang bị của cấp có thẩm quyền;
- b) Bản sao hồ sơ gốc của tàu (hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hồ sơ hoàn công, hồ sơ kỹ thuật, các giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật);
- c) Giấy đăng ký, giấy phép lưu hành tàu thuyền quân sự.

5. Tàu thuyền quân sự được tặng, viện trợ: Ngoài các giấy tờ quy định tại Điểm a, b, đ Khoản 1 Điều này, bổ sung bản sao các giấy tờ theo tàu.

6. Tàu thuyền quân sự cải hoán: Ngoài các giấy tờ quy định tại Điểm a, đ Khoản 1 Điều này, bổ sung:

- a) Bản sao quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép cải hoán.